

Số: 406 /CVHHĐN-PC

V/v tham gia ý kiến về tồn tại, bất cập trong quá trình triển khai Bộ luật Hàng hải 2015.

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Kính gửi:

- Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng;
- BCH Bộ đội Biên Phòng TP. Đà Nẵng;
- Các Doanh nghiệp cảng biển tại Đà Nẵng;
- Các doanh nghiệp đại lý hàng hải tại Đà Nẵng;
- Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics;
- Các doanh nghiệp vận tải biển khu vực Đà Nẵng;
- Các hãng tàu biển nước ngoài tại Đà Nẵng;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV IV;
- Công ty CP tàu lai cảng Đà Nẵng.

Thực hiện văn bản số 2105/TB-CHHVN về Thông báo Kết luận của Cục trưởng Nguyễn Xuân Sang tại cuộc họp về kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 5 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tháng 6 năm 2021, liên quan đến chuẩn bị nội dung Hội nghị sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, về vấn đề này Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng có ý kiến như sau:

1. Bộ luật Hàng hải Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội XIII ngày 25/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2017, bao gồm 20 Chương và 341 Điều. Để triển khai thực hiện Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành. Sau 05 năm thực hiện, Bộ luật và các văn bản hướng dẫn thi hành đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của ngành hàng hải và có nhiều đóng góp tích cực vào sự phát triển, kinh tế, xã hội của đất nước.

2. Tuy nhiên, sau thời gian triển khai thực hiện, cùng với sự phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hàng hải được ban hành, các điều ước quốc tế được Việt Nam ký kết, gia nhập và thực tế hoạt động hàng hải có những thay đổi; mặt khác, Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 vẫn còn nhiều điều, khoản mang tính chất khung và cần phải có các văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể, chưa đáp ứng được yêu cầu của Nghị



quyết số 48-NQ/TW về hạn chế việc sử dụng các văn bản dưới Luật để triển khai Luật vào thực tiễn đòi hỏi Bộ Luật Hàng hải Việt Nam phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành cũng như thực tế hoạt động hàng hải; đồng thời, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, góp phần thúc đẩy tiến trình phát triển, hội nhập của nền kinh tế quốc dân nói chung và ngành hàng hải nói riêng. Do vậy, trong thực tiễn áp dụng Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành không tránh khỏi những bất cập, vướng mắc phát sinh.

3. Để có cơ sở tổng hợp các tồn tại, bất cập nêu trên nhằm báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xử lý, khắc phục trong thời gian đến cũng như phục vụ Hội nghị sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Bộ luật Hàng hải năm 2015, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng kính đề nghị Quý cơ quan, doanh nghiệp nghiên cứu kỹ, nắm chắc nội dung quy định của Bộ luật hàng hải năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành và rà soát những vướng mắc để kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải sửa đổi những cơ chế chính sách, quy định cụ thể, sát với nhu cầu hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

4. Văn bản đóng góp ý kiến đề nghị gửi về Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng (địa chỉ Email: phapchecvdng@gmail.com, ĐT: 0236.3898128) trước 02/7/2021 để tổng hợp báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam.

Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng đề nghị quý cơ quan, đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục HHVN (thay báo cáo);
- UBND TP. Đà Nẵng (thay báo cáo);
- Các Phòng: TTATHH, TV;
- Phòng TCHC (đăng website);
- Lưu: VT, PC.



Trịnh Thế Cường

Phụ lục.
Những nội dung cơ bản của Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015
(ban hành kèm theo văn bản số 40/ ngày 14/6/2021)

Chương I. Những quy định chung (12 điều)

Nội dung cơ bản của chương này quy định phạm vi điều chỉnh của Bộ luật, đối tượng áp dụng luật là tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động hàng hải tại Việt Nam; nguyên tắc chọn Luật và áp dụng Luật nước ngoài, quyền thỏa thuận trong hợp đồng, quyền vận tải nội địa. Nguyên tắc hoạt động hàng hải và chính sách của nhà nước về phát triển hàng hải. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải, các hành vi nghiêm cấm trong hoạt động hàng hải.

Chương II. Tàu biển (37 điều)

Nội dung chương này quy định tàu biển Việt Nam là tàu biển đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam hoặc đã được cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam. Nguyên tắc, điều kiện và thủ tục đăng ký tàu biển Việt Nam; nguyên tắc, trách nhiệm đăng kiểm tàu biển; các giấy tờ và tài liệu của tàu, việc kiểm tra dung tích tàu biển; quyền sở hữu tàu biển, thế chấp tàu biển; quyền cầm giữ hàng hải; đóng mới và sửa chữa tàu biển; nguyên tắc phá dỡ tàu biển.

Theo quy định của Điều 13: Tàu biển quy định trong Bộ luật này không bao gồm tàu quân sự.

Chương III. Thuyền bộ và thuyền viên (23 điều)

Quy định về thuyền viên Việt Nam; địa vị pháp lý, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thuyền trưởng; tiêu chuẩn, chế độ, nghĩa vụ và điều kiện của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam; hợp đồng thuê thuyền viên, trách nhiệm của chủ tàu.

Chương IV. Cảng biển (32 điều)

Nội dung chương này quy định về cảng biển, chức năng của cảng biển, phân loại cảng biển, quy định về mở, đóng cảng biển; quy hoạch phát triển, đầu tư, xây dựng và khai thác cảng biển; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại cảng biển; quy định về thủ tục tàu thuyền đến và rời cảng biển; quy hoạch phát triển, đầu tư xây dựng, đóng, mở cảng cạn.

THÔNG
ÁNG V
ÁNG H
NĂNG
HẢI VI

Theo quy định của Điều 73: Cảng quân sự, cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển chịu sự quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của Bộ luật này.

Chương V. An toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và bảo vệ môi trường (24 điều)

Đây là một chương được bổ sung mới nội dung quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường với các quy định chi tiết về an toàn, an ninh hàng hải, tìm kiếm cứu nạn trên biển, quy định về bảo vệ công trình hàng hải và bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng hải, phá dỡ tàu biển.

Chương VI. Bắt giữ tàu biển (16 điều)

Do tầm quan trọng của vấn đề này, Bộ luật đã bổ sung chương mới này, quy định về bắt giữ tàu biển với các quy định chi tiết về thẩm quyền, trách nhiệm, điều kiện, thời hạn, các biện pháp bảo đảm tài chính, tài liệu liên quan trong việc bắt giữ tàu biển và thả tàu biển bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết các khiếu nại hàng hải.

Chương VII. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển (55 điều)

Nội dung của chương quy định hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển và phân loại hợp đồng vận chuyển. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo chứng từ của người vận chuyển, hợp đồng thuê tàu chuyên, hợp đồng vận tải đa phương thức, xác định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của người vận chuyển; người vận chuyển thực tế, người thuê vận chuyển, người gửi hàng, người giao hàng; chứng từ vận chuyển, các quy định liên quan đến việc xử lý hàng hóa bị lưu giữ, thanh toán cước vận chuyển, lưu kho... giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển.

Chương VIII. Hợp đồng vận chuyển hành khách và hành lý bằng đường biển (15 điều)

Nội dung quy định về hợp đồng vận chuyển hành khách và hành lý, quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển, quyền và nghĩa vụ của hành khách; xác định vé đi tàu và bằng chứng giao kết hợp đồng; trách nhiệm của người vận chuyển, người vận chuyển thực tế, giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển.

Chương IX. Hợp đồng thuê tàu (20 điều)

Quy định về hình thức, nguyên tắc của hai loại hợp đồng thuê tàu là thuê tàu định hạn và hợp đồng thuê tàu trần, các nội dung chính của hợp đồng thuê

tàu; quyền nghĩa vụ của người thuê tàu và của chủ tàu trong thuê tàu định hạn, thuê tàu trần, trả tàu và thuê mua tàu trong thuê tàu trần.

Chương X. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải (12 điều)

Nội dung chính của chương này quy định về khái niệm người đại lý tàu biển, người môi giới hàng hải, hợp đồng đại lý tàu biển, trách nhiệm của người đại lý tàu biển, của người ủy thác, giá dịch vụ đại lý tàu biển, tiền hoa hồng trong môi giới hàng hải, quyền và nghĩa vụ của người môi giới hàng hải.

Chương XI. Hoa tiêu hàng hải (9 điều)

Quy định về vị trí pháp lý, điều kiện hành nghề, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải; chế độ hoa tiêu, tổ chức hoa tiêu; nghĩa vụ của thuyền trưởng và chủ tàu khi sử dụng hoa tiêu.

Chương XII. Lai dắt tàu biển (8 điều)

Quy định về khái niệm lai dắt tàu biển, hợp đồng lai dắt tàu biển, quyền chỉ huy tàu lai dắt, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng lai dắt tàu biển, trách nhiệm bồi thường tổn thất trong lai dắt tàu biển.

Chương XIII. Cứu hộ hàng hải (12 điều)

Quy định về khái niệm cứu hộ hàng hải, hợp đồng cứu hộ hàng hải, nghĩa vụ và quyền hưởng tiền công của người cứu hộ, nguyên tắc xác định tiền công cứu hộ và phân chia tiền công cứu hộ hàng hải.

Chương XIV. Trục vớt tài sản chìm đắm (9 điều)

Quy định khái niệm tài sản chìm đắm, xác định nghĩa vụ trục vớt của chủ sở hữu tài sản chìm đắm. Quy định thời hạn thông báo và trục vớt tài sản chìm đắm, phân loại xử lý tài sản chìm đắm và thẩm quyền xử lý tài sản chìm đắm.

Chương XV: Tai nạn đâm va (7 điều)

Quy định khái niệm đâm va, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi xảy ra đâm va, nguyên tắc xác định lỗi và bồi thường tổn thất trong tai nạn đâm va.

Chương XVI. Tổn thất chung (6 điều)

Nội dung quy định về tổn thất chung, tổn thất riêng, phân bổ tổn thất chung, tuyên bố tổn thất chung và chỉ định người phân bổ tổn thất chung.

Chương XVII. Giới hạn trách nhiệm dân sự đối với các khiếu nại hàng hải (5 điều)

Nội dung quy định về người được giới hạn trách nhiệm dân sự, các khiếu nại hàng hải áp dụng giới hạn trách nhiệm dân sự, các khiếu nại hàng hải không



áp dụng giới hạn trách nhiệm dân sự, mức giới hạn trách nhiệm dân sự và lập quỹ bảo hiểm bồi thường.

Chương XVIII. Hợp đồng bảo hiểm hàng hải (34 điều)

Quy định về hợp đồng bảo hiểm hàng hải, đối tượng bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm hàng hải, các quyền lợi được bảo hiểm, nghĩa vụ của người được bảo hiểm, giá trị bảo hiểm, chuyển nhượng quyền theo hợp đồng bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm bao, thực hiện hợp đồng bảo hiểm hàng hải, chuyển quyền đòi bồi thường, từ bỏ đối tượng bảo hiểm và giải quyết bồi thường.

Chương XIX. Giải quyết tranh chấp hàng hải (3 điều)

Quy định về tranh chấp hàng hải, nguyên tắc giải quyết tranh chấp hàng hải.

Chương XX. Điều khoản thi hành (2 điều)